**Tuần 5**

**Tiết 21**

**BÀI 14: LUYỆN TẬP CHUNG.**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- HS nhận biết được phép cộng trong phạm vi 20. Tính được phép cộng bằng cách nhẩm hoặc tách số.

- Hình thành bảng cộng vận dụng vào giải các bài toán thực tế có liên quan.

\* Phát triển năng lực ngôn ngữ; NL tự chủ, tự học; NL giải quyết vấn đề; NL giao tiếp và hợp tác.

\* Phát triển phẩm chất: Chăm chỉ, trách nhiệm, có tinh thần hợp tác trong khi làm việc nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Bài giảng Power point.

**2. Học sinh:**  SGK, VBT, vở ô li, vở nháp, đồ dùng học tập.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG HỌC** | **HOẠT ĐỘNG HỌC** |
| **1. Mở đầu**- GV cho HS chơi trò chơi “ Truyền bóng”HS nêu một phép cộng trong phạm vi 20 và đố bạn thưc hiện. - Nhận xét, đánh giá HS làm bài.- GV dẫn dắt, giới thiệu bài mới. | - HS chơi trò chơi.* - Lắng nghe.

- HS lắng nghe nhắc tựa. |
| **2. Luyện tập, thực hành****Bài 1: Tính nhẩm.**- GV gọi HS đọc yêu cầu bài.- GV yêu cầu HS tự làm bài tập 1.- Gọi HS nêu bất kì.- GV nhận xét: (GV lưu ý kĩ thuật tính với các dạng cộng lặp, ví dụ 6 + 6, 7 + 7, 8 + 8 ) | - 1 HS đọc yêu cầu bài.- HS làm cá nhân.- HS chia sẻ.- HS lắng nghe. |
| **Bài 2: Tính.**- GV cho HS đọc yêu cầu bài.- Yêu cầu HS nêu cách tính.- Nhận xét.- GV lưu ý: Dạng toán cộng lặp và tính trường hợp có hai dấu cộng ( tính từ trái qua phải).- Gọi 1 số HS lần lượt lên bảng làm, cả lớp làm vào vở.- Gọi HS nhận xét bài làm của bạn.- GV sửa bài tập. - Nhận xét bài làm của cả lớp, chấm bài ở vở. | - 1 HS đọc yêu cầu đề bàiBài 2: Tính.4 + 4 + 3 3 + 3 + 67 + 1 + 8 5 + 4 + 5- HS nêu cách tính.- Lắng nghe.- HS lắng nghe.- 4 HS lần lượt lên bảng làm, cả lớp làm vào vở.- HS nhận xét.- Đổi chéo vở dò bài.- HS lắng nghe. |
| **Bài 3 : < , > , = ?**- GV cho HS đọc bài 3.- GV hỏi: Bài 3 yêu cầu chúng ta làm gì?- GV hỏi ở mỗi bên đã có kết quả cụ thể chưa?- Yêu cầu HS làm theo nhóm đôi tìm ra cách làm nhanh và chính xác nhất.- Mời đại diện một số nhóm lên trình bày bài làm.- GV nhận xét và tuyên dương những nhóm có cách làm hay ( không thực hiện tính kết quả từng bên nhưng vẫn so sánh được). Ví dụ 9+ 7 .... 9 + 9- Lần lượt so sánh hai bên đều có số 9 , còn lại 7 thì bé hơn 9 nên điền dấu < | - HS đọc yêu cầu bài tập 3.- Điền dầu > , < , = - HS trả lời.- HS làm nhóm đôi.- Đại diện một số nhóm lên trình bày kết quả và nêu cách làm của nhóm mình. Nhóm khác nhận xét.- HS quan sát và lắng nghe. |
| **Bài 4**- Gọi HS đọc bài 4.- GV hỏi: Đề toán hỏi gì? Muốn biết hai hàng có tất cả bao nhiêu bạn thì phải làm thế nào?...- GV yêu cầu HS làm cá nhân vào vở.- GV chiếu bài 1 HS và yêu cầu lớp nhận xét, nêu lời giải khác.- GV cho HS đổi chéo vở kiểm tra bài của bạn.- GV đánh giá HS làm bài.**3. Vận dụng, trải nghiệm:**Qua các bài tập, chúng ta được củng cố và mở rộng kiến thức gì?- GV nhấn mạnh kiến thức tiết học- GV đánh giá, động viên, khích lệ HS. | - 1 HS đọc, lớp đọc thầm.- HS nêu để phân tích đề.- HS nêu.- HS làm cá nhân vào vở.- HS nhận xét bài của bạn.- HS kiểm tra chéo vở và báo cáo kết quả.*\** ***Dự kiến câu trả lời:***Phép tính 8 + 8 = 16- HS lắng nghe.- HS nêu ý kiến. - HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

……………………………………………………………………………………….

……………………………………………………………………………………….

………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………….

**Tuần 5**

**Tiết 22**

**BÀI 15: LUYỆN TẬP VỀ PHÉP TRỪ (KHÔNG NHỚ)**

**TRONG PHẠM VI 20.**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠ**

- HS nhận biết được phép trừ trong phạm vi 20, dạng 10 trừ đi một số và “trừ đi một số để có kết quả là 10”, chuẩn bị cho việc học về phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 20.

\* Phát triển năng lực ngôn ngữ; NL tự chủ, tự học; NL giải quyết vấn đề; NL giao tiếp và hợp tác.

\* Phát triển phẩm chất: Chăm chỉ, trách nhiệm, có tinh thần hợp tác trong khi làm việc nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên:** Bài giảng Power point.

**2. Học sinh:**  SGK, VBT, vở ô li, vở nháp, đồ dùng học tập.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG HỌC** | **HOẠT ĐỘNG HỌC** |
| **1. Mở đầu**- GV cho HS chơi trò chơi “ Đố bạn”.- GV nêu luật chơi.- Lượt 1: HS nêu một phép trừ trong phạm vi 10 đố bạn thực hiện.- Lượt 2 : HS nêu một phép trừ( không nhớ) trong phạm vi 20 và đố bạn thưc hiện.- Nhận xét, đánh giá HS - GV dẫn dắt, giới thiệu bài mới. | - HS chơi trò chơi.- Lắng nghe GV phổ biến luật chơi.- HS chơi trò chơi.- HS lắng nghe.- HS lắng nghe nhắc tựa bài. |
| **2. Luyện tập, thực hành****Bài 1: Tìm kết quả của mỗi phép tính**- GV cho HS đọc yêu cầu bài.- GV tổ chức cho HS chơi theo cặp (sử dụng tấm thẻ đã chuẩn bị).- Mời các nhóm tham gia chơi.- Nhận xét,củng cố lại nội dung bài.  | - 1 HS đọc yêu cầu bài.- HS nhóm đôi theo từng bàn (một bạn lấy ra một thẻ phép tính dố bạn khác nêu kết quả phép tính và ngược lại).- HS chơi trò chơi.- Lắng nghe. |
| **Bài 2: Tính.**- GV yêu cầu HS đọc đề bài.- Cho HS nhận xét về cách tính của bài toán.- Yêu cầu HS nêu cách tính.- Nhận xét. - Gọi 1 số HS lần lượt lên bảng làm, cả lớp làm vào vở.- GV cho HS đổi chéo vở.- Gọi HS nhận xét bài làm của bạn.- Nhận xét bài làm của cả lớp, chấm bài ở vở.- GV lưu ý lại phép tính trừ một số để có kết quả là 10. | * - 1 HS đọc yêu cầu đề bài.
1. 12 – 2, 16 – 6, 15 – 5 ,
2. 17 – 7, 18 – 8 , 19 – 9
3. 10 = 15 - ...10 = 19 - ...10 = 17 - ...

- HS nhận xét- HS nêu cách tính trừ hai số có chữ số hàng đơn vị giống nhau.- Lắng nghe.- 3 HS lần lượt lên bảng làm, cả lớp làm vào vở.- HS đổi vở và chấm bài làm của bạn bằng bút chì. - HS nhận xét.- Quan sát, lắng nghe.- Lắng nghe. |
| **Bài 3 : Tính nhẩm.**- GV hỏi: Bài 3 yêu cầu chúng ta làm gì?- GV hỏi dạng toán này có mấy phép tính trừ?- Lưu ý HS thực hiện từ trái sang phải (ví dụ 14 – 4 – 2 = 10 – 2 = 8)- Cho HS làm vào vở.- Đổi chéo vở.- Chấm lại vở.- Nhận xét, đánh giá. | - HS đọc yêu cầu bài tập 3.- HS trả lời.- HS quan sát và lắng nghe.- HS làm vào vở.- Đổi chéo vở và chấm bằng bút chì.- Quan sát GV sửa.- Lắng nghe. |
| **Bài 4: Trò chơi “Viết phép tính trừ có kết quả bằng 10”**- Gọi HS đọc bài 4.- GV hỏi: Đề bài hỏi gì? - Tổ chức lớp chơi trò chơi “Ai nhanh ai đúng”- Nêu luật chơi: Chia lớp thành 2 đội, tổ 1 và tổ 2 là Đội 1, Tổ 3 và 4 là Đội 2.- Hai đội nối tiếp nhau ghi vào thẻ đã chuẩn bị sẵn các phép tính trừ có kết quả là 10.- Đội nào viết nhanh, chính xác và nhanh nhất sẽ thắng cuộc.- Tổ chức trò chơi.- Nhận xét, tuyên dương.**3. Vận dụng, trải nghiệm**- Qua các bài tập, chúng ta được củng cố được kiến thức gì?- GV nhấn mạnh kiến thức tiết học.- GV đánh giá, động viên, khích lệ HS. | - 1 HS đọc, lớp đọc thầm.- HS nêu để phân tích đề.- Lắng nghe và chia đội.- Đại diện nhóm tham gia chơi.- Hai đội nối tiếp nhau ghi vào thẻ đã chuẩn bị sẵn các phép tính trừ có kết quả là 10.- Lắng nghe.- HS nêu ý kiến.- HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

……………………………………………………………………………………….

……………………………………………………………………………………….

……………………………………………………………………………………….

……………………………………………………………………………………….

**Tuần 5**

**Tiết 23**

**BÀI 16: PHÉP TRỪ (CÓ NHỚ) TRONG PHẠM VI 20.**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Biết tìm kết quả các phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 20 bằng cách “làm cho tròn 10”.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép trừ đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

\* Phát triển năng lực ngôn ngữ; NL tự chủ, tự học; NL giải quyết vấn đề; NL giao tiếp và hợp tác.

\* Phát triển phẩm chất: Chăm chỉ, trách nhiệm, có tinh thần hợp tác trong khi làm việc nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Bài giảng Power point.

**2. Học sinh:** SGK, VBT, vở ô li, vở nháp, đồ dùng học tập.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG HỌC** | **HOẠT ĐỘNG HỌC** |
| **1. Mở đầu**- GV gọi 02 HS lên bảng tính:1. 11 – 5 13 – 6

- GV yêu cầu HS nêu cách tính.- GV gọi HS nhận xét.- GV nhận xét, dẫn dắt vào bài mới. | - 02 HS lên bảng tính.- HS trả lời miệng.- HS nhận xét.- HS lắng nghe nhắc tựa bài. |
| **2. Hình thành kiến thức**- GV đưa bức tranh tình huống (SGK tr 32)- GV yêu cầu HS quan sát tranh và thảo luận nhóm đôi: Bức tranh vẽ gì?- GV hỏi để HS nêu phép trừ từ tình huống.- GV viết phép trừ trên bảng.- GV yêu cầu HS tiếp tục thảo luận nhóm đôi để tìm kết quả phép tính 13 – 4.- GV nhận xét.- GV hướng dẫn cách tìm kết quả phép trừ 13 - 4 = ? bằng cách “làm cho tròn 10”.- GV đọc phép tính 13 - 4, đồng thời gắn 13 chấm tròn lên bảng. - GV yêu cầu HS lấy 13 chấm tròn đặt trên bảng.- Hướng dẫn HS thao tác trên các chấm tròn thực hiện phép trừ 13 - 3 (tay gạch bớt 3 chấm tròn trên khay bên phải, miệng đếm: 13, 12, 11,10 ). Sau đó, trừ tiêp 10-1=9 (tay gạch bớt 1 chấm tròn trên khay bên trái, miệng đếm: 10, 9). Vậy 13 - 4 = 9.- GV chốt lại cách tính bằng cách “làm cho tròn 10” (cũng tay gạch, miệng đếm nhưng đi qua hai chặng: đếm lùi đến 10 rồi mới đếm lùi tiếp).- GV hướng dẫn HS thực hiện tương tự với phép tính khác: 12 - 5 = ?- GV yêu cầu một số HS nêu lại cách thực hiện. | - HS quan sát.- HS quan sát, thảo luận.- Đại diện nhóm HS chia sẻ trước lớp, các nhóm khác nhận xét.- HS nêu phép trừ.- HS thảo luận.- Đại diện nhóm HS trình bày kết quả, nêu các cách tính.- HS lắng nghe.- HS quan sát.- HS lấy ra 13 chấm tròn đặt trước mặt.- HS thao tác.- HS thao tác trên các chấm tròn của mình.- HS theo dõi.- HS thực hiện tính bằng cách “làm cho tròn 10” |
| **3. Luyện tập, thực hành****Bài 1: Tính.** - HS đọc yêu cầu bài.- GV đưa phép tính y/c HS thực hiện thao tác “tay gạch, miệng đếm” rồi tìm số thích hợp cho ô trống.- Mời 2 HS thực hiện trên bảng lớp, cả lớp làm vở BT.- GV yêu cầu HS nêu lại cách thực hiện thao tác.- GV nhận xét, y/c HS đổi chéo vở để kiểm tra cách thực hiện của bạn.- GV chốt lại cách thực hiện phép trừ bằng cách “làm cho tròn 10”. | - 1 HS đọc yêu cầu bài.- HS thực hiện.- 2 HS thực hiện trên bảng lớp, cả lớp làm vở BT.- HS nêu – Bạn khác nhận xét.- HS đổi chéo vở để kiểm tra cách thực hiện của bạn.- HS lắng nghe. |
| **Bài 2: Tính.**- Mời HS đọc yêu cầu bài.- GV đưa phép tính y/c HS thực hiện thao tác “tay gạch, miệng đếm” rồi tìm số thích hợp cho ô trống.- Mời HS thực hiện trên bảng lớp.- GV nhận xét, y/c HS đổi chéo vở để kiểm tra cách thực hiện của bạn.- GV yêu cầu HS nêu lại cách thực hiện. | - HS đọc yêu cầu bài tập.- HS làm vào vở.-2 HS thực hiện trên bảng lớp.- HS đổi chéo vở để kiểm tra cách thực hiện của bạn.- HS nêu lại cách thực hiện. |
| **Bài 3: Tính.**- Mời HS đọc yêu cầu bài.- HS thực hành tính bằng cách “làm cho tròn 10” để tìm kết quả.- GV chữa bài, chốt lại cách thực hiện phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 20 bằng cách “làm cho tròn 10”. | - HS đọc yêu cầu bài tập.- HS cùng kiểm tra kết quả theo cặp, nói cho bạn nghe cách làm.- HS theo dõi.- HS nêu lại cách thực hiện. |
| **Bài 4:** - GV mời HS đọc bài toán.- YC HS nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì?- Mời HS trình bày.- GV nhận xét.**4. Vận dụng, trải nghiệm**- GV mời HS kể một tình huống trong thực tiễn có sử dụng phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 20 rồi đố bạn nêu phép tính thích hợp.- GV nhận xét.- HS nêu cảm nhận hôm nay em biết thêm được điều gì?- Em thích nhất hoạt động nào?- Về nhà, em hãy tìm hỏi ông bà, cha mẹ, người thân xem có còn cách nào khác để thực hiện phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 20 không. Tiết sau chia sẻ với cả lớp.GV nhận xét tiết học. | - HS đọc bài toán.- HS trao đổi thao nhóm đôi.HS thảo luận với bạn cùng cặp hoặc cùng bàn về cách trả lời câu hỏi bài toán đặt ra (quyết định lựa chọn phép tính nào để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra và giải thích tại sao).*\** ***Dự kiến câu trả lời:***Phép tính: 11 - 3 = 8.Trả lời: Cửa hàng còn lại 8 bộ đồ chơi lắp ghép hình.- HS lắng nghe.- Một số HS nêu để đố bạn.- HS trả lời.- HS lắng nghe.- HS trả lời.- HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

……………………………………………………………………………………….

……………………………………………………………………………………….

……………………………………………………………………………………….

……………………………………………………………………………………….

**Tuần 5**

**Tiết 24**

**BÀI 17: PHÉP TRỪ (CÓ NHỚ) TRONG PHẠM VI 20**

**(tiếp theo).**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Biết tìm kết quả các phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 20 bằng cách “làm cho tròn 10”.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép trừ đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

\* Phát triển năng lực ngôn ngữ; NL tự chủ, tự học; NL giải quyết vấn đề; NL giao tiếp và hợp tác.

\* Phát triển phẩm chất: Chăm chỉ, trách nhiệm, có tinh thần hợp tác trong khi làm việc nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Bài giảng Power point.

**2. Học sinh:** SGK, VBT, vở ô li, vở nháp, đồ dùng học tập.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG HỌC** | **HOẠT ĐỘNG HỌC** |
| **1. Mở đầu**- HS hoạt động theo nhóm (bàn) và thực hiện lần lượt các hoạt động sau:- HS quan sát bức tranh (trong SGK trang 32 hoặc trên máy chiếu).- Yêu cầu HS thảo luận nhóm bàn: Bức tranh vẽ gì? (HS chỉ vào bức tranh nói cho bạn nghe về bức tranh).- GV hỏi để HS nêu phép tính từ tình huống tranh vẽ, GV viết phép tính lên bảng;13 - 4 =?- Hãy thảo luận (theo bàn) cách tìm kết quả phép tính 13 - 4 =?Lưu ý: GV đặt câu hỏi để HS nói cách tìm kết quả phép tính 13 - 4 =?, mà không chỉ nêu kết quả phép tính.- GV nhận xét kết hợp giới thiệu bài. | - Cả lớp quan sát.- HS thảo luận nhóm bàn.- HS chia sẻ trước lớp. - 1 – 2 HS trả lời miệng.- HS thảo luận nhóm bàn.- HS chia sẻ trước lớp.- HS lắng nghe – nhắc lại. |
| **2. Hình thành kiến thức**- GV hướng dẫn cách tìm kết quả phép trừ 13 - 4 =? bằng cách “làm cho tròn 10”. - GV đọc phép tính 13 - 4, đồng thời gắn 13 chấm tròn lên bảng. HS lấy ra 13 chấm tròn đặt trước mặt.- HS thao tác trên các chấm tròn của mình, thực hiện phép trừ 13 - 3 (tay gạch bớt 3 chấm tròn trên khay bên phải, miệng đếm: 13, 12, 11, 10). Sau đó, trừ tiếp 10 – 1 = 9 (tay gạch bớt 1 chấm tròn trên khay bên trái, miệng đếm: 10, 9). Nói: Vậy 13 - 4 = 9. - GV chốt lại cách tính bằng cách “làm cho tròn 10” (cũng tay gạch, miệng đếm nhưng đi qua hai chặng: đếm lùi đến 10 rồi mới đếm lùi tiếp).- GV hướng dẫn HS thực hiện tương tự với phép tính khác: 12 - 5 =? | - HS lắng nghe.- HS lấy ra 13 chấm tròn.- Gạch bớt 3 chấm tròn trên khay bên phải, miệng đếm: 13, 12, 11, 10- Trừ tiếp 10 – 1 = 9 (tay gạch bớt 1 chấm tròn trên khay bên trái, miệng đếm: 10, 9- HS quan sát và lắng nghe. |
| **3. Luyện tập, thực hành****Bài 1: Tính.**- GV cho HS đọc yêu cầu bài- HS thực hiện thao tác “tay gạch, miệng đếm” rồi tìm số thích hợp cho ô trống. - HS đổi vở, kiểm tra nói cho nhau về cách thực hiện tính từng phép tính; chia sẻ trước lớp.- GV chốt lại cách thực hiện phép trừ bằng cách “làm cho tròn 10”. | - 1 HS đọc yêu cầu bài.- HS thực hiện.- HS đổi vở, kiểm tra chéo. 2 - 3 HS chia sẻ trước lớp- Lắng nghe |
| **Bài 2: Tính.**- GV cho HS đọc yêu cầu bài.- HS thực hiện thao tác “tay gạch, miệng đếm” để tìm kết quả phép tính rồi nêu số thích hợp cho ô trống. - HS đổi vở kiểm tra chéo.- GV chữa bài, chốt lại cách thực hiện phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 20 bằng cách “làm cho tròn 10”. | - 1 HS đọc yêu cầu bài.- HS thực hiện cá nhân.- Kiểm tra chéo.- HS lắng nghe. 2 – 3 học sinh trình bày miệng trước lớp. |
| **Bài 3: Tính.**- GV cho HS đọc yêu cầu bài 3.- HS thực hành tính bằng cách “làm cho tròn 10” để tìm kết quả.- HS cùng kiểm tra kết quả theo cặp, nói cho bạn nghe cách làm.- GV chữa bài, chốt lại cách thực hiện phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 20 bằng cách “làm cho tròn 10”. | - HS đọc yêu cầu bài 3.- HS làm bài cá nhân.- Từng cặp hỏi và trả lời với nhau- HS lắng nghe. |
| **Bài 4:** - Gọi HS đọc yêu cầu bài 4- GV hỏi: Bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì? - Yêu cầu HS thảo luận với bạn cùng cặp hoặc cùng bàn về cách trả lời câu hỏi bài toán đặt ra (quyết định lựa chọn phép tính nào để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra và giải thích tại sao).- HS viết phép tính thích hợp và trả lời: Phép tính: 11 - 3 = 8.- Hỏi: Vậy cửa hàng còn lại bao nhiêu bộ đồ chơi lắp ghép hình?- Yêu cầu HS kiểm tra bài. | - 1 HS đọc yêu cầu, lớp đọc thầm.- HS trả lời.- HS thảo luận.- 2 HS trả lời*\** ***Dự kiến câu trả lời:***- Vậy cửa hàng còn lại 8 bộ đồ chơi lắp ghép hình.- HS kiểm tra chéo vở và báo cáo kết quả. |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm**- HS kể một tình huống trong thực tiễn có sử dụng phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 20 rồi đố bạn nêu phép tính thích hợp.- GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em.- HS nêu cảm nhận hôm nay em biết thêm được điều gì?- Em thích nhất hoạt động nào?- Về nhà, em hãy tìm hỏi ông bà, cha mẹ, người thân xem có còn cách nào khác để thực hiện phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 20 không. Tiết sau chia sẻ với cả lớp. | - 1 - 2 HS kể tình huống. Cả lớp cùng tìm phép tính thích hợp.- HS nêu ý kiến - HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

………………………………………………………………………………………....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tuần 5**

**Tiết 25**

**BÀI 18: LUYỆN TẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Củng cố về các cách làm tính trừ (có nhớ) đã học trong phạm vi 20 bằng cách “đếm lùi” và “làm cho tròn 10”.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về tính trừ (có nhớ) trong phạm vi 20 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

\* Phát triển năng lực ngôn ngữ; NL tự chủ, tự học; NL giải quyết vấn đề; NL giao tiếp và hợp tác.

\* Phát triển phẩm chất: Chăm chỉ, trách nhiệm, có tinh thần hợp tác trong khi làm việc nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Bài giảng Power point.

**2. Học sinh:** SGK, VBT, vở ô li, vở nháp, đồ dùng học tập.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG HỌC** | **HOẠT ĐỘNG HỌC** |
| **1. Mở đầu**- GV cho HS chơi trò chơi “Đố bạn” theo cặp. - Luật chơi: Bạn A viết một phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 20 ra nháp hoặc ra bảng con đố bạn B tìm kết quả và nói cách tính. Đổi vai cùng thực hiện.- GV cho HS chơi trò chơi “Đố bạn”.- GV đánh giá HS chơi.- GV dẫn dắt, giới thiệu bài mới. | - HS lắng nghe luật chơi.- HS chơi.- HS lắng nghe.- HS lắng nghe – nhắc lại. |
| **2. Luyện tập, thực hành****Bài 1: Chọn kết quả đúng với mỗi phép tính.**- GV chiếu bài trên màn hình. - GV cho HS đọc yêu cầu bài 1.- Cá nhân HS quan sát số ghi trên mỗi ô cửa sổ của ngôi nhà; Quan sát phép trừ ghi trên mỗi tấm thẻ mà các con vật đang cầm trên tay rồi lựa chọn số thích hợp với kết quả của từng phép tính.- HS đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau, đọc phép tính và nói kết quả tương ứng vói mỗi phép tính.- Cho HS nhận xét - GV nhấn mạnh kiến thức bài 1. | - HS quan sát.- 1 HS đọc yêu cầu bài 1.- HS làm bài cá nhân.- Mời 2 - 3 nhóm trình bày trước lớp.- HS đối chiếu, nhận xét.- HS lắng nghe. |
| **Bài 2: Tính nhẩm.**- GV chiếu bài, cho HS đọc và xác định yêu cầu bài.- Cá nhân HS tự làm bài 2: Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài.- HS thảo luận với bạn về cách tính nhẩm rồi chia sẻ trước lớp.- GV hướng dẫn HS cách làm các bài tập có hai phép trừ liên tiếp thì thực hiện lần lượt từ trái qua phải. Ví dụ: 15 – 5 – 2 = 10 - 2 = 8.- Hỏi: Bài tập 2 củng cố kiến thức gì?- - GV nhấn mạnh kiến thức bài 2. | - 1 HS đọc yêu cầu bài, lớp đọc thầm.- HS làm cá nhân.- HS cùng chia sẻ, trao đổi và đánh giá bài làm của nhau.- HS quan sát.- HS lắng nghe.- HS ghi nhớ. |
| **Bài 3: Tính.**- GV cho HS đọc bài 3.- Cá nhân HS tự làm bài 3: Tìm kết quả các phép cộng và trừ nêu trong bài.- HS thảo luận với bạn về cách tính nhẩm rồi chia sẻ trước lớp.- GV hướng dẫn HS sử dụng quan hệ giữa các phép tính cộng và trừ để thực hiện các phép tính. Ví dụ: 9 + 4 = 13 thì 13 - 4 = 9.- GV nhận xét, chữa bài. | - 1 HS đọc yêu cầu bài.- HS làm bài cá nhân.- HS cùng chia sẻ, trao đổi và đánh giá bài làm của nhau.- HS lắng nghe. |
| **Bài 4:**- GV cho HS đọc bài 4- GV hỏi: Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì?- HS suy nghĩ về cách trả lời câu hỏi bài toán đặt ra (quyết định lựa chọn phép tính nào để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra và giải thích tại sao).- HS viết phép tính thích hợp và trả lời:- Hỏi: Vậy mẹ còn lại bao nhiêu quả trứng?- GV nhấn mạnh kiến thức bài 2. | - HS đọc yêu cầu bài 4.- HS nêu ý kiến cá nhân.- 2 HS trả lời. Cả lớp nhận xét.*\** ***Dự kiến câu trả lời:*** Phép tính: 15 - 8 = 7. Trả lời: Mẹ còn lại 7 quả trứng.- HS lắng nghe. |
| **Bài 5:** - Gọi HS đọc bài 5.- GV cho HS thảo luận nhóm đôi về hai cách làm tính trừ (có nhớ) trong phạm vi 20 bằng cách “đếm lùi” và “làm cho tròn 10”, phân tích ưu và nhược điểm của từng cách. Rút ra kết luận cho bản thân.- GV mời HS trình bày lựa chọn của mình và phân tích. - GV chốt.**3. Vận dụng, trải nghiệm**- HS nêu cảm nhận hôm nay biết thêm được điều gì.- Em thích nhất hoạt động nào?- HS liên hệ, tìm tòi một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng, phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 20, hôm sau chia sẻ với các bạn.- Về nhà, tìm hỏi ông bà, cha mẹ, người thân xem có còn cách nào khác để thực hiện phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 20 hay không. Tiết sau chia sẻ với cả lớp. | - 1 HS đọc, lớp đọc thầm.- Thảo luận nhóm đôi.- HS trình bày lựa chọn của mình và phân tích. - Cả lớp lắng nghe.- HS nêu ý kiến. - HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

……………………………………………………………………………………….

……………………………………………………………………………………….

……………………………………………………………………………………….

……………………………………………………………………………………….

……………………………………………………………………………………….

……………………………………………………………………………………….